

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 03/02/2020.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Thùy Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Thật.

2. Bà Vũ Thị Đào.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Hật - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng N.

Địa chỉ: số A, L, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lam Nhật Ch – Giám Đốc Ngân hàng N - chi nhánh Bến Nhứt, Kiên Giang.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

Người được ủy quyền lại: Ông Cao Văn B – sinh năm 1965, Phó Giám Đốc Ngân hàng N - chi nhánh Bến Nhứt, Kiên Giang, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện R, tỉnh Kiên Giang.

**2. Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn B1 – sinh năm 1986, vắng mặt.

Bà Bùi Kim Ng – sinh năm 1986, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị Như M – sinh năm 1959, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng N trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:*

- Ngân hàng N – Chi nhánh Bến Nhứt có cho vợ chồng ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng vay số tiền 70.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 7714LAV2015-02245, ngày 17/8/2015, giải ngân ngày 18/8/2015, mục đích vay bổ sung vốn sửa nhà và chăn nuôi. Thời hạn vay là 12 tháng, hình thức trả nợ là trả lãi 06 tháng 01 lần và vốn gốc trả cuối kỳ; lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 11%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng tín dụng ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đã nhận đủ số tiền vay 70.000.000 đồng. Khi vay tiền Ông B1 và bà Ng có làm hợp đồng thế chấp tài sản gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 2.950m<sup>2</sup> thuộc thửa số 692, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN673300 cho ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đứng tên vào ngày 18/7/2013 và quyền sử dụng đất có diện tích 700m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1223, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR018568 cho ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đứng tên vào ngày 11/2/2014. Trong quá trình vay ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng không trả nợ đúng cam kết nên ngày 27/10/2017 Ngân hàng khởi kiện Ông B1 và bà Ng đến ngày 25/6/2018 Ông B1 và bà Ng trả cho Ngân hàng 25.000.000 đồng và cam kết thực hiện nghĩa vụ đúng hạn nên Ngân hàng rút đơn kiện nhưng sau đó Ông B1 và bà Ng không thực hiện đúng lời hứa, tính đến ngày 16/8/2016 số nợ vay của ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đã quá hạn, hiện tại dư nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi phát sinh tính đến ngày 03/02/2020 là 41.739.653 đồng (trong đó lãi trong hạn là 7.806.944 đồng và lãi quá hạn là 33.932.708 đồng). Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án buộc ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải trả hết số tiền nợ gốc là 45.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo hợp đồng đã thỏa thuận là 41.739.653 đồng, tổng cộng bằng 86.739.653 đồng. Đồng thời Ngân hàng N yêu cầu ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định của hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng không trả đủ số nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện, kể từ khi thụ lý cho đến nay ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng không có mặt ở địa phương được chính quyền địa phương xác nhận ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo qui định tại Điều 179, 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng trong vụ kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Như M trình bày: Do con bà là Huỳnh Văn B1 và Bùi Kim Ng đi làm ăn xa không có điều kiện chăm sóc vườn tiêu nên diện tích đất của ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng thế chấp vay tiền tại Ngân hàng N hiện bà đang canh tác để giữ đất giùm cho con bà chứ giữa các bên không có sang bán hay cầm cố gì hết vì vậy bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện được giải quyết đúng thời hạn quy định. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải trả cho Ngân hàng N số tiền hiện còn nợ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết khoản nợ vay cho Ngân hàng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] **Về tố tụng:** Tranh chấp giữa Ngân hàng N với ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng là bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ kiện, tuy nhiên khi ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng thực hiện giao dịch với ngân hàng ông bà có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông bà cư trú, hiện nay ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị Như M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng là vợ chồng có cùng hộ khẩu, đây là hợp đồng có thế chấp tài sản do ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng cùng đứng tên vay và cùng ký nhận nợ, ký thế chấp, mục đích vay vốn là để sửa nhà, chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình nên khi ngân hàng khởi kiện vợ chồng ông bà căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng cùng phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

[5] Tại hợp đồng tín dụng số 7714LAV2015-02245, được ký kết ngày 17/8/2015 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Tuy nhiên trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng không thực hiện đúng cam kết, từ ngày 16/8/2016 hợp đồng đã quá hạn cho đến nay bên vay là ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho ngân hàng là phù hợp. Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 41TD1489, được ký kết ngày 08/8/2014 giữa Ngân hàng N với ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng có nêu rõ các điều khoản thi hành và được công chứng chứng thực đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BN673300 do ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đứng tên vào ngày 18/7/2013 có diện tích 2.950m<sup>2</sup> thuộc thửa số 692, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và quyền sử dụng đất có diện tích 700m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1223, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang, toàn bộ diện tích đất trên được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR018568 cho ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đứng tên vào ngày 11/2/2014. Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng.

[6] Diện tích đất thế chấp cho Ngân hàng hiện bà Nguyễn Thị Như M đang quản lý giùm Ông B1 và bà Ng, giữa các bên không có thỏa thuận chuyển nhượng hay cầm cố đối với tài sản này và bà M cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Ông B1 và bà Ng phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016AL ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[7] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, trường hợp ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải nộp 4.337.000 đồng (86.739.653 đồng x 5%).

Ngân hàng N không phải chịu án phí vì yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng N được nhận lại 2.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004292 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng Điều 26, 35, 147, 179, 180, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 323, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS;

- Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N 86.739.653 (tám mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi ba) đồng, gồm có số tiền nợ gốc là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 41.739.653 (bốn mươi một triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm năm mươi ba) đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận*

*về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.*

Trường hợp ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN673300 được Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp cho ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng đứng tên vào ngày 18/7/2013 có diện tích 2.950m<sup>2</sup> thuộc thửa số 692, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR018568 có diện tích 700m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1223, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang do ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng sở hữu để thu hồi toàn bộ số nợ trên.

Khi ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng trả hết số nợ đã vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BN673300 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp ngày 18/7/2013 có diện tích 2.950m<sup>2</sup> thuộc thửa số 692, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang và giấy chứng nhận QSD đất số BR018568 do Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao cấp ngày 11/02/2014 có diện tích 700m<sup>2</sup> thuộc thửa số 1223, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp A, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang cho vợ chồng ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng.

Bà Nguyễn Thị Như M không có yêu cầu độc lập trong vụ kiện này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Ông Huỳnh Văn B1 và bà Bùi Kim Ng phải nộp 4.337.000 đồng.

Ngân hàng N được nhận lại 2.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004292 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Phan Thị Thùy Trang**